| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **139**/2024/QĐST-DS | *Bình Đại, ngày 16 tháng 10 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh;

2. Ông Lê Văn Đạo.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 393/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Thu H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1 Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

*2.2 Về nuôi con chung:* Chị Trương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P có 01 con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 21/4/2010.

Chị Trương Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 21/4/2010 và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Trương Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Trương Thị Thu H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, đồng thời theo yêu cầu của chị H, anh P, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*2.3 Về tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

*2.4 Về nợ chung:*

Chị Trương Thị Thu H thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị B số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Chị Trương Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng). Trả dần 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), vào ngày 12 hằng tháng, bắt đầu từ ngày 12/11/2024 cho đến khi hết nợ.

Trường hợp nếu chị Trương Thị Thu H vi phạm ở bất cứ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì chị Trương Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả ngay một lần toàn bộ số tiền nợ còn lại cho bà Nguyễn Thị B.

*2.5 Về án phí:*

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn P phải chịu

150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Thu H phải chịu 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Tổng án phí chị Trương Thị Thu H phải chịu là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001947 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Trương Thị Thu H phải chịu số tiền án phí là 650.000 đồng (S trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Long Hồ**